

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 32/2022/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 05 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 227/TTr-SNN ngày 13 tháng 9 năm 2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy nông Đồng Cam; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

QUY ĐỊNH

**Chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Kèm theo Quyết định số: 32/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chi tiết về đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Đối với việc đấu thầu quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn luật.

2. Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi), hợp tác xã, tổ chức thủy lợi cơ sở có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định (sau đây gọi là nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là việc cơ quan nhà nước chỉ định nhà sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đáp ứng theo các yêu cầu, điều kiện đặt hàng của Nhà nước.

2. Sản phẩm đặt hàng: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi. Sản phẩm quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để đặt hàng là diện tích (ha) hoặc khối lượng (m^3) được tưới nước, tiêu nước và cấp nước.

3. Giá, đơn giá, hợp đồng:

a) Giá, đơn giá đặt hàng: Là giá, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền quyết định trên cơ sở các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và các khoản chi phí khác theo quy định được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp Bộ Tài chính

quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Hợp đồng đặt hàng: Là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng.

4. Bên A: Cơ quan đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

5. Bên B: Đơn vị nhận đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

6. Hộ dùng nước: Là tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi.

Điều 3. Nguyên tắc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định khác có liên quan.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đơn vị nhận đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không được chuyển giao công việc cho đơn vị khác khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Cơ quan đặt hàng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đặt hàng đối với các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quản lý theo phân cấp: Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định.

Chương II

ĐẶT HÀNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

Điều 5. Trình tự thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Hàng năm, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt diện tích và dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trong đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về diện tích, Sở Tài chính chịu trách nhiệm về đơn giá áp dụng.

2. Xây dựng kế hoạch và quyết định đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý:

Trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được phê duyệt, các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch đặt hàng, gồm kế hoạch tưới, tiêu, cấp nước, kế hoạch tài chính trong điều kiện thời tiết bình thường.

Trên cơ sở kế hoạch đặt hàng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Trên cơ sở quyết định đặt hàng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng với đơn vị nhận đặt hàng để thực hiện.

b) Đối với công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo phân cấp:

Trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch đặt hàng và thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định.

3. Việc thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

Chương III

HỢP ĐỒNG VÀ NGHIỆM THU THANH TOÁN HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Điều 6. Phê duyệt điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng đặt hàng.

a) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương;

b) Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật; định mức chi phí, giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

c) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Gồm: Thiên tai, lũ lụt, hạn hán bất thường vượt quá tần suất thiết kế của công trình; diện tích tưới tiêu cấp nước thay đổi.

2. Phân cấp điều chỉnh hợp đồng.

a) Đối với trường hợp điều chỉnh hợp đồng làm vượt giá trị dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, cơ quan đặt hàng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng, làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh.

b) Đối với trường hợp điều chỉnh không làm vượt giá trị dự toán đặt hàng đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan đặt hàng phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng và tổ chức thực hiện ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh.

Điều 7. Nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng đặt hàng

1. Nghiệm thu hợp đồng đặt hàng.

Khi kết thúc năm đặt hàng, trên cơ sở hợp đồng, biên bản nghiệm thu của bên B với các hộ dùng nước, bên A tổ chức nghiệm thu đánh giá khối lượng, chất lượng các hạng mục công việc đã hoàn thành của cả năm.

2. Thanh lý hợp đồng đặt hàng.

Kết thúc năm đặt hàng, bên A và bên B phải thực hiện thanh lý và ký biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để

thanh, quyết toán kinh phí cho bên B và quyết toán kinh phí với cơ quan quản lý ngân sách nhà nước.

3. Quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn.

b) Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có đầy đủ các chứng từ để làm căn cứ thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ tài chính (bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi).

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Thực hiện đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy định này đảm bảo kịp thời cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quản lý, giám sát, nghiệm thu sản phẩm, khối lượng, chất lượng thực hiện đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

c) Chịu trách nhiệm tổng hợp dự toán, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định tại Quy định này.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cấp tỉnh vào dự toán chi ngân sách địa phương.

b) Thực hiện cấp phát kinh phí theo quy định hiện hành.

c) Quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn; xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo thực tế.

b) Giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đặt hàng quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo quy định.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn; tổ chức phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy định này đến nhân dân trên địa bàn chủ động giám sát chất

lượng tưới, tiêu, cấp nước và tổng hợp phản ánh với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời cùng tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Trách nhiệm của đơn vị nhận đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Tổ chức thực hiện hợp đồng đã ký kết với cơ quan đặt hàng và các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

b) Tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị liên quan xác nhận đối tượng và diện tích tưới, tiêu, cấp nước theo quy định.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn theo quy định.

d) Chịu trách nhiệm pháp lý của các hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng với các hộ dùng nước theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan khác.

Phối hợp với cơ quan đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác có liên quan không được quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.
